

GIÁO TRÌNH
MÔN LÝ THUYẾT ÂM NHẠC CƠ BẢN

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU	5
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	5
LỜI NÓI ĐẦU.....	6
CHƯƠNG 1. ÂM THANH VÀ LỐI GHI NHẠC	7
1.1. Âm thanh	7
1.2. Lối ghi nhạc	11
CHƯƠNG 2. NHỊP ĐIỀU - NHỊP - NHỊP ĐỘ.....	34
2.1. Nhịp điều, trường độ cơ bản và trường độ tự do	34
2.2. Nhịp	37
2.3. Nhịp độ.....	46
CHƯƠNG 3. QUÃNG.....	56
3.1. Khái niệm về quãng.....	56
3.2. Độ lớn số lượng và chất lượng của quãng, quãng đơn. Quãng đi-a-tô-ních.....	56
3.3. Đảo quãng, quãng ghép	61
3.4. Quãng thuận, quãng nghịch	64
CHƯƠNG 4. ĐIỀU THỨC VÀ GIỌNG.....	71
4.1. Âm ổn định, âm chủ, âm không ổn định.	71
4.2. Điều thức trưởng, gam trưởng tự nhiên, các bậc của gam trưởng.....	72
4.3. Giọng điệu, các giọng trưởng có dấu thăng và dấu giáng.	75
4.4. Giọng trưởng hòa thanh và giọng trưởng giai điệu.....	80
4.5. Điều thức thứ, gam thứ tự nhiên	81
4.6. Điều thứ hòa thanh và điều thứ giai điệu	82
4.7. Các giọng trùng tên,	87
CHƯƠNG 5. XÁC ĐỊNH GIỌNG, DỊCH GIỌNG, CHUYỂN GIỌNG	93
5.1. Xác định giọng	93
5.2. Dịch giọng	94
5.3. Chuyển giọng.....	96
CHƯƠNG 6. THANG ÂM, ĐIỀU THỨC DÂN GIAN	104
6.1. Quan điểm về thang âm điều thức dân gian	104
6.2. Một số dạng điều thức dân gian hay sử dụng.....	106
CHƯƠNG 7. HỢP ÂM	118

7.1. Hợp âm.....	118
7.2. Các hợp âm ba chính ở điệu trưởng và thứ.	120
7.3. Các hợp âm ba phụ của điệu trưởng và thứ.....	122
7.4. Hợp âm bảy.....	124
7.5. Các hợp âm bảy dẫn.....	126
CHƯƠNG 8: GIAI ĐIỆU.....	131
8.1. Ý nghĩa của giai điệu trong tác phẩm âm nhạc.....	131
8.2. Hướng chuyển động của giai điệu và tầm cỡ của nó.....	132
CHƯƠNG 9: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ LÝ THUYẾT ÂM NHẠC ĐƯƠNG ĐẠI (CONTEMPORARY MUSIC THEORY).....	138
9.1. Về âm thanh âm nhạc.....	138
9.2. Về điệu tính.....	139
9.3. Về hoà thanh.....	140
9.4. Về lối ghi nhạc.....	141
CHƯƠNG 10: MỘT SỐ KÝ HIỆU NHẠC THƯỜNG DÙNG CHO ĐÀN PHÍM ĐIỆN TỬ.....	146
10.1. Một số cách ký hiệu hợp âm cho đàn phím điện tử.....	146
10.2. Thang âm Blues.....	147
10.3. Tiết tấu của một số điệu nhạc phổ biến.....	149
TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH.....	160

DANH MỤC BẢNG BIỂU

1. Bảng 1: Ký hiệu âm nhạc bằng chữ cái
2. Bảng 2: Một số thuật ngữ âm nhạc thường dùng trong đọc và ghi nhạc
3. Bảng 2a: Về lý thuyết âm nhạc
4. Bảng 2b: Về một số loại nhạc hát thông dụng
5. Bảng 2c: Về cách diễn đạt
6. Bảng 2d: Về tốc độ chuyển động của âm nhạc (độ nhanh)
7. Bảng 2đ: Một số ký hiệu bổ sung cho độ nhanh

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Cao đẳng sư phạm	CĐSP
Cử nhân	CNiên
Đại học sư phạm	ĐHSP
Đại học sư phạm âm nhạc	ĐHSPÂN
Đại học sư phạm nghệ thuật trung ương	ĐHSPNTTW
Đơn vị học trình	đvht
Giáo viên	GV
Giáo dục và đào tạo	GD&ĐT
Giáo sư	GS
Học sinh	HS
Khoa học và công nghệ	KH&CN
Nhà xuất bản	NXB
Phó giáo sư	PGS
Sách giáo khoa	SGK
Sinh viên	SV
Thạc sĩ	ThS
Tiến sĩ	TS
Trung học cơ sở	THCS
Trung ương	TW
Xã hội chủ nghĩa	XHCN

CHƯƠNG 1. ÂM THANH VÀ LỐI GHI NHẠC

1.1. Âm thanh

1.1.1. Cơ sở vật lý của âm thanh.

Khái niệm:

Âm nhạc là nghệ thuật dùng âm thanh và nhịp điệu để diễn tả tư tưởng và tình cảm của con người. Từ khái niệm trên cho thấy tất cả những gì có tính nhạc đều xuất phát từ âm thanh, nhưng ngược lại, cũng có rất nhiều âm thanh không có tính nhạc. Vì vậy, giữa âm thanh có tính nhạc và âm thanh không có tính nhạc là khác nhau.

Âm thanh là một hiện tượng vật lý đồng thời nó còn là một cảm giác. Âm thanh được tạo ra bởi sự dao động của một vật thể đàn hồi nào đó. Khi vật thể đàn hồi dao động đã tạo ra những sóng âm. Những sóng âm này lan truyền trong không gian đến tai người làm cho màng nhĩ cũng dao động cùng với tần số của sóng đó. Từ màng nhĩ những sóng âm này truyền qua hệ thần kinh của bộ não tạo nên cảm giác về âm thanh.

Phân biệt âm thanh có tính nhạc và âm thanh không có tính nhạc:

Âm thanh có tính nhạc là sự rung của sóng âm một cách đều đặn. Khi nghe sóng âm đều đặn, tai chúng ta phát hiện được tần số và nhận biết được **cao độ** của âm thanh. Chẳng hạn như tiếng hát, tiếng đàn, tiếng sáo... Những âm thanh này gọi là những **âm có cao độ rõ ràng** hay còn gọi là **những âm thanh có tính nhạc (âm nhạc)**.

Âm thanh không có tính nhạc là sự hỗn độn của tần số dao động, nó không theo một trật tự đều đặn. Tai chúng ta vẫn nhận biết được các âm thanh này nhưng không có tần số nào ổn định để có thể phân biệt được cao độ. Chẳng hạn như những âm không có tần số nhất định như tiếng máy nổ, tiếng còi ô tô, tiếng sấm, tiếng gió thổi... gọi là những **âm thanh không có độ cao rõ ràng** hay còn gọi là **tiếng động**, là **tạp âm**.

1.1.2. Các thuộc tính của âm thanh có tính nhạc.

Chúng ta tiếp nhận một số lượng lớn các âm thanh khác nhau, nhưng không phải mọi âm thanh đều được dùng trong âm nhạc. Thính giác của ta phân biệt những âm thanh có tính nhạc và những âm thanh không có tính nhạc (có tính chất tiếng động).

Những âm thanh có tính chất tiếng động không có cao độ chính xác, thí dụ: tiếng rít, tiếng kẹt cửa ... và vì thế, trong tác phẩm của một số nhạc sĩ đầu thế kỷ XX trở về trước đã không sử dụng loại âm thanh này trong tác phẩm âm nhạc.

Âm thanh có tính nhạc được xác định bởi bốn thuộc tính là: độ cao (cao độ - tiếng Anh: pitch hay pitch level), độ dài (trường độ - tiếng Anh: duration), độ mạnh (cường độ - tiếng Anh: loudness hay strength of tone) và âm sắc (tiếng Anh: tone colour hay timbre). Trong bốn thuộc tính này, mặc dù độ dài không làm thay đổi tính chất vật lý của âm thanh, nhưng đứng trên quan điểm âm nhạc, nó lại có ý nghĩa vô cùng quan trọng.

Độ cao (còn gọi là cao độ) là độ cao hay thấp của âm thanh, phụ thuộc vào tần số dao động của vật thể rung. Dao động càng nhanh, âm thanh càng cao và ngược lại. Ví dụ: âm thấp nhất của đàn piano có tần số khoảng 30 Hz (30 lần dao động trong một giây. Hz là chữ viết tắt của Hertz là đơn vị của tần số); âm cao nhất có tần số khoảng 4000 Hz. [theo từ điển âm nhạc của Oxford năm 1979]. Tai người có khả năng phân biệt được những âm có độ cao khoảng từ 27.5Hz đến 4186Hz.

Độ dài (còn gọi là trường độ) là độ dài hay ngắn của âm thanh, phụ thuộc vào thời gian và qui mô dao động của vật thể - nguồn phát âm từ lúc bắt đầu vang lên. Tầm cỡ dao động lúc bắt đầu của âm thanh càng rộng thì thời gian tắt dần của nó càng dài.

Độ mạnh (còn gọi là cường độ) là độ vang to hay nhỏ của âm thanh, phụ thuộc vào sức mạnh những di chuyển dao động, tức là phụ thuộc vào tầm cỡ dao động của nguồn phát âm. Không gian trong đó diễn ra các dao động gọi là biên độ dao động. Biên độ dao động càng rộng âm thanh càng to và ngược lại. Đơn vị để đo cường độ âm thanh là Decibel (viết tắt là Db).

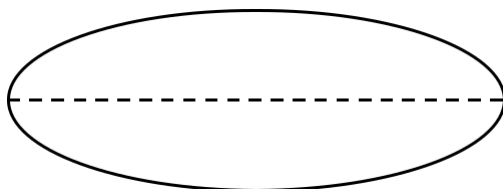
Âm sắc là khía cạnh chất lượng của âm thanh, là màu sắc của nó. Để xác định đặc điểm của âm sắc, người ta sử dụng những tính từ thuộc các lĩnh vực cảm giác khác nhau. Ta biết rằng mỗi nhạc cụ hoặc mỗi giọng đều có âm sắc riêng. Cùng một âm thanh có cao độ nhất định, nhưng do các loại nhạc cụ hay giọng hát khác nhau phát ra thì mỗi nhạc cụ hay mỗi giọng hát đó lại có một màu sắc riêng. Sự khác biệt của âm sắc tùy thuộc vào thành phần những âm cục bộ mà ở mỗi âm thanh đều có.

1.1.3. Bồi âm

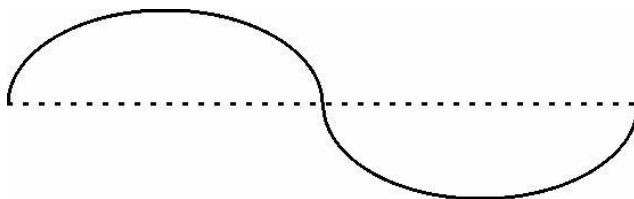
Khi một sợi dây đàn dao động thì tự nó chia ra thành nhiều phần bằng nhau và cùng rung lên. Chẳng hạn khi dây đàn violon dao động, nó không chỉ rung toàn bộ sợi

dây đàn mà còn dao động ở $1/2$ dây, $1/3$ dây, $1/4$ dây, $1/5$ dây... Trong quá trình dao động chung của toàn bộ dây đàn, những dao động ở từng phần cũng tạo ra những âm cục bộ. Những âm này có độ cao khác nhau vì dao động của các làn sóng tạo ra chúng có tốc độ khác nhau. Tuy nhiên tai người chỉ nghe được âm chính do dao động của toàn bộ dây đàn, còn những âm này không nhận thấy được và được gọi là **âm bồi**. Ví dụ 1:

Nếu sợi dây chỉ phát ra một âm gốc duy nhất thì hình thái làn sóng của nó sẽ tương ứng với biểu đồ sau:



Sóng âm của $1/2$ dây đàn (những làn sóng phân nửa nhanh gấp hai lần):



Sóng âm của $1/3$ dây đàn (những làn sóng phân ba nhanh gấp ba lần):



1.1.4. Thang âm tự nhiên

Nếu lấy số lượng dao động của âm thứ nhất (âm gốc) của dây đàn làm đơn vị thì số lượng dao động của các âm cục bộ sẽ được biểu hiện bằng chuỗi số nguyên:

1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16...

Thang âm tự nhiên là thang âm gồm âm gốc và các âm bồi của nó.

Nếu lấy nốt Do ở quãng tám lớn làm âm gốc, ta có thang âm tự nhiên sau:

Ví dụ 2:



1.1.5. Hệ thống âm thanh, tên gọi, các quãng tám

Hệ thống âm thanh trong âm nhạc

Sự sắp xếp các âm của hệ thống âm thanh dựa theo độ cao gọi là hàng âm, mỗi âm thanh khác nhau là một bậc của hàng âm đó.

Hệ thống âm thanh trong âm nhạc là một thang âm đầy đủ gồm 88 âm khác nhau được sắp xếp theo cao độ của từng âm từ thấp đến cao. Dao động của các âm đó từ âm thấp nhất đến âm cao nhất nằm trong giới hạn từ 27.5 Hz đến 4186 Hz. Đó là những âm thanh có độ cao mà tai người có thể phân biệt.

Tên gọi các bậc cơ bản

Tên gọi các bậc cơ bản trong thang âm của hệ thống âm nhạc: Do, Re, Mi, Fa, Sol, La, Si.

Các bậc (âm hay nốt) cơ bản này tương ứng với các phím trắng của đàn Piano hay của các đàn phím nói chung: Bảy tên gọi của các bậc cơ bản được nhắc lại một cách chu kì trong thang âm và do đó chúng bao gồm âm thanh của tất cả các bậc cơ bản.

Sở dĩ như vậy vì mỗi âm thứ tám tính ngược lên (trong số những âm phát ra khi bấm các phím trắng) được tạo nên bởi sự tăng gấp đôi số lượng dao động so với âm thứ nhất. Cho nên nó tương ứng với bồi âm thứ hai của âm thứ nhất (âm gốc) vì vậy hoàn toàn quyện với âm đó.

Khoảng cách giữa các âm thanh của những bậc giống nhau gọi là quãng tám. Bộ phận của thang âm trong đó có 7 bậc âm cơ bản cũng gọi là quãng tám. Như vậy toàn bộ thang âm chia thành những tầng quãng tám. Âm thanh của bậc Do được coi là âm đầu của quãng tám. Toàn bộ thang âm gồm bảy quãng tám trọn vẹn và bốn âm hợp thành 2 quãng tám thiếu ở hai đầu hàng âm (ở hai đầu bàn phím piano). Tên gọi các quãng tám tính từ thấp lên cao như sau:

Quãng tám cực trầm (quãng tám thiếu)

Quãng tám trầm

Quãng tám lớn

Quãng tám nhỏ

Quãng tám 1

Quãng tám 2

Quãng tám 3

Quãng tám 4

Quãng tám 5 (quãng tám thiếu)

Sơ đồ các quãng tám biểu hiện trên đàn piano:



(theo sơ đồ này nốt La ở quãng tám cực trầm là 27,5 Hz, nốt Do ở quãng tám 5 là 4186Hz).

1.2. Lối ghi nhạc (các ký hiệu âm nhạc).

1.2.1. Ký hiệu của các bậc cơ bản bằng hệ thống chữ cái.

Trong âm nhạc, người ta còn dùng phương thức kí hiệu âm thanh bằng chữ cái dựa trên bảng chữ cái Latin.

Âm La ở quãng tám thứ nhất có tần số 440Hz được coi là âm mẫu trong hệ thống các âm cơ bản. Do vậy, âm La có tên là chữ A (chữ cái đầu trong bảng chữ cái). Các bậc cơ bản được ký hiệu như sau:

La Si Do Re Mi Fa Sol

A B C D E F G

Ở một số nước như: Đức, Nga... lại ký hiệu âm Si là chữ H, còn chữ B để ký hiệu cho âm Si giáng.

Trong tài liệu này để thống nhất cách ghi, chúng tôi sử dụng ký hiệu chữ B cho âm Si và chữ Bb cho âm Si giáng.

Để chỉ ký hiệu các âm trong các tầng quãng tám khác nhau, người ta thường ghi như sau:

Các nốt ở quãng tám cực trầm ký hiệu bằng chữ cái in hoa và ghi số 2 nhỏ hoặc


2 vạch nhỏ ở bên dưới: A₂, B₂, hoặc $\overset{A}{\underset{2}{\rule{0.5em}{0.4pt}}}$; $\overset{B}{\underset{2}{\rule{0.5em}{0.4pt}}}$...


Các nốt ở quãng tám trầm ký hiệu bằng chữ cái in hoa và ghi số 1 nhỏ ở hoặc 1 vạch nhỏ ở bên dưới: A1, B1, hoặc A, B...


Các nốt ở quãng tám lớn ký hiệu bằng chữ cái in hoa: C, D, E, F, ...


Các nốt ở quãng tám nhỏ ký hiệu bằng chữ cái thường: c, d, e, f,...

Các nốt ở quãng tám thứ nhất đến quãng tám thứ năm ký hiệu bằng chữ cái thường và chữ số hoặc bằng vạch ở bên trên tương ứng với tên gọi của quãng tám đó:

Nốt Do ở quãng tám thứ nhất ghi là: c1 hoặc 

Nốt Do ở quãng tám thứ hai ghi là: c2 hoặc 

Nốt Do ở quãng tám thứ ba ghi là: c3 hoặc 

Nốt Do ở quãng tám thứ tư ghi là: c4 hoặc 

Nốt Do ở quãng tám thứ năm ghi là: c5 hoặc

1.2.2. Ký hiệu âm bằng nốt nhạc.

1.2.2.1. Nốt nhạc

Để ký hiệu các bậc (âm) trong âm nhạc người ta dùng nốt nhạc. Nốt nhạc là một hình bầu dục đặc hoặc rỗng có đuôi hoặc không có đuôi. Hình bầu dục đặc hoặc rỗng để xác định trường độ của âm thanh

Ví dụ 3:



Đuôi của nốt nhạc là một vạch thẳng đứng bám vào mép phải của hình bầu dục (đặc hoặc rỗng) nếu nốt nhạc có đuôi quay lên, bám vào mép trái của hình bầu dục (đặc hoặc rỗng) nếu nốt nhạc có đuôi quay xuống.

Nốt nhạc ở dòng 3 có thể viết đuôi quay lên hoặc quay xuống. Từ nốt nhạc dòng 3 đi lên, các nốt nhạc có đuôi quay xuống nằm bên trái nốt nhạc. Từ nốt nhạc dòng 3 đi xuống, các nốt nhạc có đuôi quay lên nằm bên phải nốt nhạc.

Ví dụ 4:



Ngoài ra còn có những nét móc ở đuôi nốt nhạc (bao giờ cũng đặt ở bên phải đuôi nốt nhạc) để phân nhỏ trường độ của nốt nhạc.

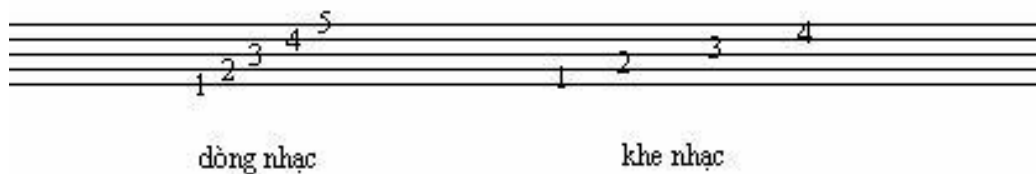
Ví dụ 5:



...

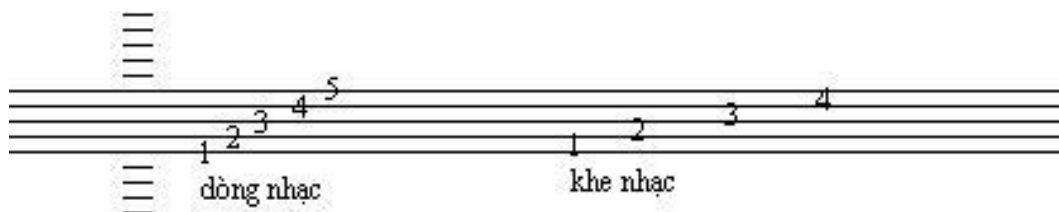
1.2.2.2. Khuông nhạc và các dòng kẻ phụ

Khuông nhạc gồm có năm dòng kẻ song song cách đều nhau. Khoảng cách giữa hai dòng kẻ liền nhau được gọi là khe. Khuông nhạc gồm có 5 dòng kẻ và 4 khe được đánh số từ dưới lên. Các nốt nhạc có thể nằm ở dòng kẻ hoặc ở khe. Ví dụ 6:



Để ghi cao độ, nằm ngoài 5 dòng kẻ chính, người ta còn dùng các dòng kẻ phụ. Dòng kẻ phụ là những đường kẻ ngắn được đặt ở trên hoặc ở dưới khuông nhạc. Dòng kẻ phụ để ghi các âm thanh cao hơn hoặc thấp hơn các âm thanh nằm trên khuông nhạc.

Ví dụ 7:



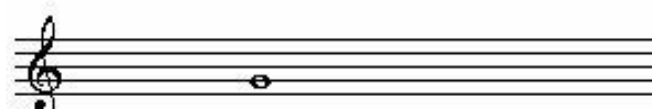
1.2.2.3. Khoá nhạc.

Khoá nhạc còn gọi là chìa nhạc hay chìa khoá nhạc. Đó là ký hiệu đặt ở đầu khuông nhạc để xác định tên những nốt nhạc trên khuông. Có 3 loại khoá thường dùng là khoá Sol, khoá Fa và khoá Do.

Khoá Sol

Khoá Sol có ký hiệu:

Ví dụ 8:



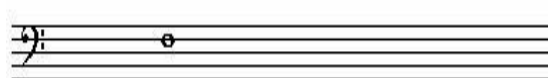
g1 (nốt sol quãng tám thứ nhất)

Khoá Sol được bắt đầu từ dòng kẻ thứ hai của khuông nhạc. Khoá Sol xác định độ cao của nốt Sol ở tầng quãng tám thứ nhất nằm trên dòng kẻ thứ hai.

Khoá Fa

Khoá Fa có ký hiệu:

Ví dụ 9:



f (nốt fa quãng tám nhỏ)

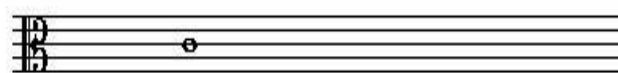
Khoá Fa được bắt đầu từ dòng kẻ thứ tư trên khuông nhạc. Khoá Fa xác định độ cao của nốt Fa ở tầng quãng tám nhỏ nằm trên dòng kẻ thứ tư.

Khoá Do

Có nhiều loại khoá Do. Hay dùng nhất là khoá Do Alto

Khoá Do Alto có ký hiệu:

Ví dụ 10:



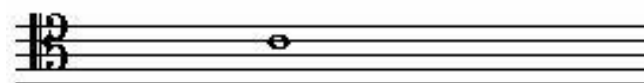
c1 (nốt do quãng tám thứ nhất)

Khoá Do Alto được bắt đầu từ dòng kẻ thứ ba trên khuông nhạc. Khoá Do Alto xác định độ cao của nốt Do ở tầng quãng tám thứ nhất nằm trên dòng kẻ thứ ba.

Ngoài ra còn có khoá Do Tenor cũng hay được dùng.

Ký hiệu khoá Do Tenor:

Ví dụ 11:



c1 (nốt do quãng tám thứ nhất)

Khoá Do Tenor được bắt đầu từ dòng kẻ thứ tư trên khuông nhạc. Khoá Do Tenor xác định độ cao của nốt Do ở tầng quãng tám thứ nhất nằm trên dòng kẻ thứ tư.

1.2.3. Các ký hiệu ghi trường độ:

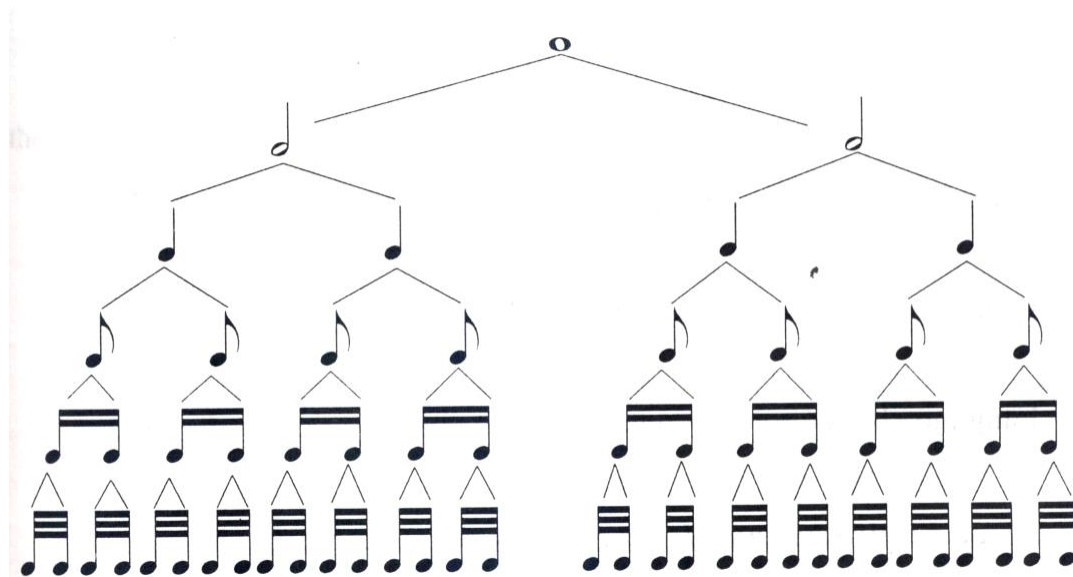
Để ghi trường độ của các âm thanh, người ta dùng các ký hiệu trường độ với các hình nốt nhạc như sau:

Nốt tròn	
Nốt trắng	
Nốt đen	
Nốt móc đơn	
Nốt móc kép	
Nốt móc tam	

Trên thực tế trong âm nhạc còn có các nốt với trường độ lớn hơn nốt tròn và nhỏ hơn nốt móc tứ (bốn), tuy nhiên đây là các trường hợp hiếm gặp.

Bảng tổng hợp biểu thị sự tương quan giữa trường độ các nốt nhạc như sau:

Ví dụ 12:



Với hai hay nhiều nốt có móc cùng độ dài đặt cạnh nhau, ta có thể dùng vạch ngang để nối đuôi chúng với nhau (gọi là vạch ngang trường độ). Ví dụ 13:



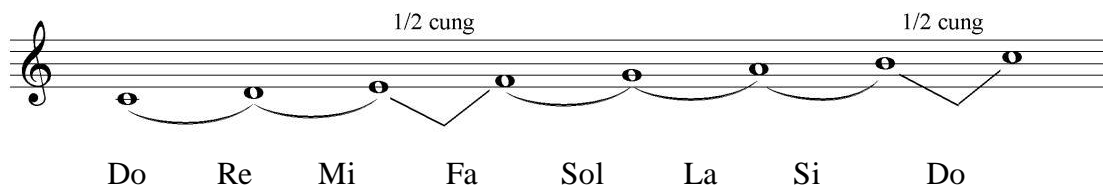
1.2.4. Luật âm, luật bình quân, một cung và nửa cung, các bậc chuyển hóa.

1.2.4.1. Hệ thống bình quân, một cung và nửa cung

Mối tương quan về độ cao tuyệt đối (được điều chỉnh chính xác) của các âm trong hệ thống âm nhạc gọi là luật âm hay hệ âm. Luật âm hiện nay lấy điểm xuất phát từ 440 dao động trong 1 giây của âm La ở tầng quãng tám thứ nhất.

Trong hệ thống âm hiện nay, mỗi quãng tám chia thành 12 phần bằng nhau, gọi là 12 nửa cung. Luật âm như vậy được gọi là luật bình quân (hay còn gọi là hệ âm điều hòa). Nó khác với thang âm tự nhiên ở chỗ các nửa cung trong quãng tám ở đây đều bằng nhau. Vì quãng tám được chia thành 12 nửa cung bằng nhau nên nửa cung là khoảng cách hẹp nhất giữa hai bậc của thang âm cơ bản. Khoảng cách do hai nửa cung tạo thành gọi là một cung (còn gọi là nguyên cung hay toàn cung).

Trong một quãng tám, giữa các bậc cơ bản được sắp xếp gồm có hai nửa cung và năm nguyên cung (ký hiệu nửa cung là: V, ký hiệu một cung là: \smile). Chúng được sắp xếp như sau:



1.2.4.2. Các bậc chuyển hoá - dấu hóa

Những nguyên cung được tạo nên giữa các bậc cơ bản chia thành các nửa cung. Những âm thanh chia các nguyên cung ấy thành nửa cung là âm thanh phát ra từ các phím đen trên piano. Như vậy quãng tám gồm 12 âm cách đều.

Mỗi bậc cơ bản của hàng âm có thể được nâng cao hoặc hạ thấp. Những âm tương ứng với các bậc nâng cao hoặc hạ thấp là những bậc chuyển hóa.

Sự nâng cao các bậc cơ bản lên nửa cung gọi là thăng (ký hiệu là #). Nếu nâng cao lên một cung gọi là thăng kép (Ký hiệu là x).

Sự hạ thấp các bậc cơ bản xuống nửa cung gọi là giáng (Ký hiệu là b). Nếu hạ thấp một cung gọi là giáng kép (ký hiệu là bb). Ví dụ 14a:



Nếu một nốt nhạc đang thăng hay giáng ...muốn trở lại cao độ cơ bản người ta dùng dấu hoàn, còn gọi là dấu bình (Ký hiệu là \natural).

Nâng cao và hạ thấp các bậc cơ bản gọi là hóa âm.

Ví dụ 14b:



Các ký hiệu thăng, giáng, thăng kép, giáng kép, hoàn gọi là các dấu hoá.

- Dấu hoá đặt trước nốt nhạc gọi là dấu hoá bất thường.

Ví dụ 15:



- Dấu hoá đặt sau khoá nhạc gọi là dấu hoá cố định.

Ví dụ 16:



Trong hệ thống ký hiệu bằng chữ cái Latin, để kí hiệu các bậc chuyển hóa người ta thêm vào các chữ cái những vằn: is - thăng, isis - thăng kép, es - giáng, eses - giáng kép.

Ví dụ 17: Do thăng = Cis; Fa thăng = Fis; Sol thăng kép = Gisis; Re thăng kép = Disis; Do giáng = Ces; Sol giáng kép = Geses;

Trường hợp ngoại lệ là bậc chuyển hóa si giáng vẫn giữ nguyên kí hiệu bằng chữ cái B, b. Khi gặp những nguyên âm a và e để tiện phát âm, người ta bỏ e trong vằn es.

Ví dụ 18: Mi giáng = Es, La giáng = As, Mi giáng kép = Eses...

1.2.4.3. Trùng âm.

Như trên đã nói tất cả các nửa cung trong quãng tám đều bằng nhau. Do đó cùng một bậc chuyển hoá, nó có thể là âm nâng cao của bậc cơ bản ở dưới nó nửa cung hoặc có thể là âm hạ thấp của bậc cơ bản ở trên nó nửa cung.

Các bậc (âm) có cùng một độ cao nhưng khác nhau về tên gọi và kí hiệu gọi là trùng âm.

Trùng âm có thể xảy ra giữa một bậc cơ bản và một bậc chuyển hoá.

Ví dụ 19a: Disis = E; Fisis = Sol...



Trùng âm có thể xảy ra giữa hai bậc chuyển hoá.

Ví dụ 19b: Fis = Ges; Ais = Bb...



1.2.4.4. Nửa cung và nguyên cung (1 cung) diatonic, Nửa cung và nguyên cung chromatic.

Nửa cung diatonic là nửa cung tạo nên giữa hai bậc cơ bản liền kề (hay giữa hai bậc cơ bản khác tên): E - F và B - C.

Ví dụ 20a:



Ngoài các nửa cung nói trên, có thể tạo ra các nửa cung diatonic giữa các bậc cơ bản với bậc chuyển hóa cao hoặc thấp kề bên hoặc giữa hai bậc chuyển hóa: Cis - D; F - Ges; Fisis - Gis; Eis - Fis

Ví dụ 20b:



Nguyên cung diatonic là nguyên cung được tạo nên giữa hai bậc kề nhau. Các bậc cơ bản tạo nên 5 khoảng nguyên cung C-D, D-E, F-G, G-A, A-B. Ví dụ 20c:



Ngoài ra, nguyên cung diatonic có thể tạo nên giữa các bậc cơ bản và bậc chuyển hóa cũng như giữa hai bậc chuyển hóa.

Nửa cung chromatic được tạo ra giữa bậc cơ bản với bậc chuyển hoá cùng tên.

C – Cis; D – Des...

Ví dụ 20d:



Nửa cung chromatic còn được tạo ra giữa các dạng chuyển hoá cùng tên.

Cis – Cisis; Es – Eses...

Ví dụ 20đ:



Nguyên cung chromatic là nguyên cung được tạo ra giữa 1 bậc cơ bản với sự thăng kép hoặc giáng kép của nó.

F – Fisis; G – Gisis; D – Deses...

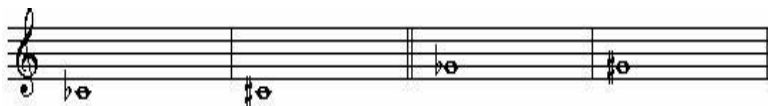
Ví dụ 20e:



Nguyên cung chromatic còn là nguyên cung được tạo ra giữa hai bậc chuyển hóa của 1 bậc cơ bản (thăng và giáng của cùng một bậc cơ bản).

Ces – Cis; Ges – Gis...

Ví dụ 20g:



Nguyên cung chromatic còn là một cung được tạo ra giữa hai bậc ở cách nhau qua 1 bậc.

Eis – G; A – Ces...

Ví dụ 20h:







1.2.5. Dấu lặng và dấu tăng trường độ:



1.2.5.1. Dấu lặng.

Là dấu nghỉ, chỉ sự ngưng nghỉ của âm thanh.



Bảng ghi các dấu lặng tương đương với trường độ:

Tròn () = 

Trắng () = 

Đen () = 

Móc đơn () = 

Móc kép () = 

1.2.5.2. Các ký hiệu bổ sung để tăng trường độ

Dấu nối : là một hình vòng cung nối liền hai nốt nằm cạnh nhau có cùng cao

độ. Ký hiệu:

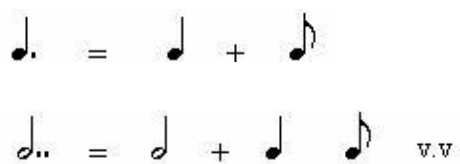
Ví dụ 21:

HÀNH KHÚC

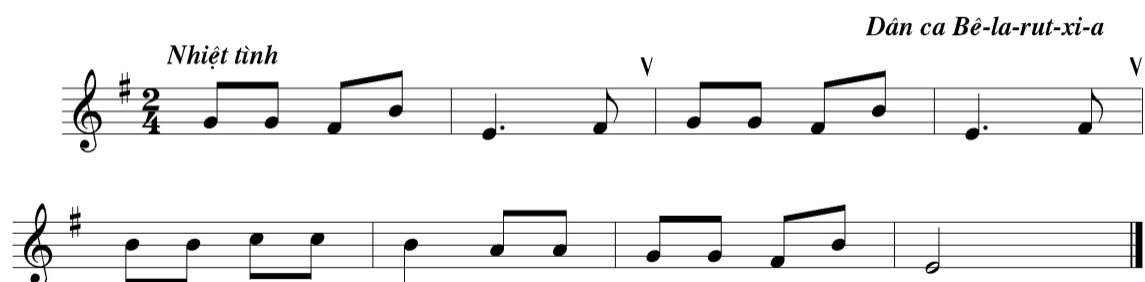
Nhạc Nga




Dấu chấm đôi: là dấu chấm đặt ở bên phải của nốt nhạc. Dấu chấm đôi có tác dụng làm tăng thêm một nửa giá trị trường độ của chính nốt đó. Ví dụ 22:



Ví dụ 23:



Dấu chấm đôi và dấu chấm đôi kép còn được dùng với các dấu lặng.

Dấu miến nhịp: là nửa vòng cung nhỏ có một chấm ở giữa () đặt trên hoặc dưới nốt nhạc. Dấu này có tác dụng tăng trường độ của nốt nhạc một cách tự do tùy theo tính chất của tác phẩm hay của người biểu diễn.

Ví dụ 24:



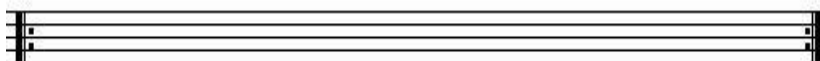
Dấu miến nhịp còn có thể dùng để đặt ở trên hay dưới dấu lặng.

1.2.6. Dấu viết tắt và một số ký hiệu khác trên bản nhạc.

1.2.6.1. Dấu nhắc lại.

Dấu nhắc lại được dùng để nhắc lại một phần (có thể là một đoạn nhạc, một câu nhạc...) hoặc toàn bộ bản nhạc. Nó thường được ký hiệu bằng vạch nhịp đôi có 2 dấu chấm, được đặt ở đầu và cuối đoạn nhạc cần nhắc lại.

Ký hiệu:



Trường hợp đoạn nhạc ở lần nhắc lại sau có thay đổi so với lần trước, người ta dùng dấu ngoặc vuông và viết số 1 cho lần diễn đầu; khi nhắc lại lần 2 sẽ bỏ đoạn nhạc trong ngoặc vuông có số 1 để vào đoạn nhạc có ngoặc vuông viết số 2.


Ví dụ 25:

Xòe hoa

Dân ca Thái (Tây Bắc)
Lời mới: Hoàng Lân

Nhanh - vui

Bùng boong bính boong Ngân nga tiếng công vang
vang. Theo tiếng chiêng reo vui rộn ràng. Theo tiếng khèn tiếng sáo vang
lừng. Tay nắm tay ta cùng xòe hoa Bùng... hoa.

Khi cần nhắc lại một hoặc vài ô nhịp nhiều lần, ta có thể dùng ký hiệu  đặt ở giữa ô nhịp cần nhắc lại:

Ví dụ 26a: cách ghi.

Ví dụ 26b: cách diễn.

1.2.6.2. Dấu dịch quãng tám.

Dấu dịch quãng tám được dùng để nâng lên hay hạ xuống một quãng tám cho bản ghi nhạc. Dấu này có tác dụng giúp cho người ghi nhạc tránh được cách viết phải sử dụng nhiều dòng kẻ phụ trên bản ghi nhạc.

Ví dụ 27a: Cách ghi.

Ví dụ 27b: cách diễn.


Ví dụ 27c: cách ghi.



Ví dụ 27d: cách diễn.



1.2.6.3. Dấu Segno và Coda.

Dấu Segno còn gọi là dấu hồi, ký hiệu là: 

Dấu này có tác dụng nhắc lại. Tuy nhiên, nó thường được dùng để nhắc lại những phần nhạc hay đoạn nhạc của tác phẩm có khuôn khổ lớn hơn so với dấu nhắc lại ký hiệu bằng vạch nhịp đôi có 2 dấu chấm và được đặt ở đầu và cuối đoạn nhạc cần nhắc lại.

Dấu Segno thường được đặt ở đầu và ở cuối phần nhạc hay đoạn nhạc cần nhắc lại.

Ví dụ 28:

Lý con sáo sang sông

(LÝ Ợ)

Ký âm: Đoàn Văn công Sư đoàn 330 tập kết
Chính lý: TRẦN KIẾT TƯỜNG


Hơi chậm - Nhấn nhủ ♩ = 76

Ơ ơ ai xui mà con sáo cái nó qua
sông, cái nó qua sông ơ Cho nên cái mà con sáo ơ
ơ số lông cái kia bay xa, cái kia bay
xa, cái lý song mã, cái lý xàng xê. Đôi ta
về thành thị ơi, sáo bay ơi... Ơ... ...ơ.

Khi bản nhạc viết ở hình thức ba đoạn, trong đó có đoạn (hay phần) thứ ba nhắc lại nguyên xi đoạn thứ nhất, để tránh phải viết lại toàn bộ đoạn thứ nhất người ta viết ở dưới ô nhịp cuối của đoạn thứ nhất chữ Fine (nghĩa là: Hết) và dưới ô nhịp cuối đoạn thứ hai các chữ sau: Da capo al fine (viết tắt là: D.C. al Fine). Có nghĩa là: trình bày từ đầu cho đến chữ Fine.


Ví dụ 29: trích đoạn nhạc của W.A. Mozart.



Nếu không nhắc lại đoạn (hay phần) thứ ba ngay từ đầu thì trên ô nhịp được bắt đầu nhắc lại người ta ghi dấu  rồi viết vào cuối đoạn (hay phần) thứ hai các chữ: Dal segno al fine, có nghĩa là trình bày từ dấu Segno đến chữ Fine.

Khi cần kết thúc sớm hơn chỗ kết thúc của đoạn nhạc (hay phần nhạc) được nhắc lại thì viết là: Da capo segno poi coda, nghĩa là trình bày từ đầu đến dấu hồi rồi sau đó sang Coda.

Dấu Coda.

Dấu Coda chỉ sự kết thúc, thường được ký hiệu là: 

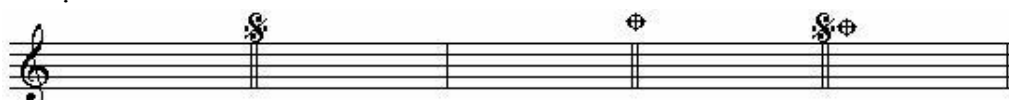
Dấu Coda thường được đặt ở cuối hoặc gần cuối tác phẩm để chỉ sự kết thúc tác phẩm.

Ví dụ 30: trích đoạn "Hò kéo pháo" của Hoàng Vân.



Trong nhiều trường hợp, dấu Coda còn đi kèm với dấu hồi để chỉ rõ sự trình bày tác phẩm.

Ví dụ 31:



(Trình bày tác phẩm từ đầu đến dấu segno thứ hai; sau đó, nhắc lại đoạn nhạc (hay phần nhạc) từ dấu segno thứ nhất đến coda thứ nhất; bỏ qua đoạn nhạc từ coda thứ nhất đến dấu segno thứ hai; vào luôn đoạn kết từ coda thứ hai cho đến hết tác phẩm).

1.2.6.4. Một số ký hiệu khác trên bản nhạc.

Dấu lắc (tremolo): chỉ sự chuyển đổi hai âm hoặc hai chông âm với tốc độ nhanh, đều và nhiều lần. Dấu lắc thường được ký hiệu bằng 2 vạch ngang giữa hai âm hay hai chông âm.

Ví dụ 32a:

Cách ghi

Cách diễn



Ví dụ 32b:

Cách ghi

Cách diễn

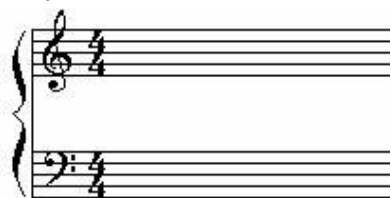


Dấu gộp.

Thường được gọi là dấu ắc-co-lat (accolade), ký hiệu bằng một dấu ngoặc đặt ở phía đầu từ hai khuông nhạc trở lên. Các khuông nhạc được liên kết bằng dấu gộp có

thể cùng dùng chung một loại khóa nhạc hay dùng các loại khóa nhạc khác nhau. Dấu gộp cho hai khuông nhạc thường sử dụng để viết cho tác phẩm piano. Ngoài ra, dấu gộp cho hai khuông nhạc còn được sử dụng khi viết cho hai nhạc cụ hay hai loại giọng.

Ví dụ 33:



1.2.7. Cách ghi nhạc hai bè, cách ghi nhạc cho một số loại tốp diễn.

1.2.7.1. Cách ghi nhạc hai bè.

Người ta có thể ghi hai bè độc lập trên cùng một khuông nhạc. Để phân biệt từng bè, cách ghi như sau:

Với bè bên trên: các nốt nhạc có đuôi cùng hướng lên trên.

Với bè bên dưới: các nốt nhạc có đuôi cùng hướng xuống dưới.

Ví dụ 34:



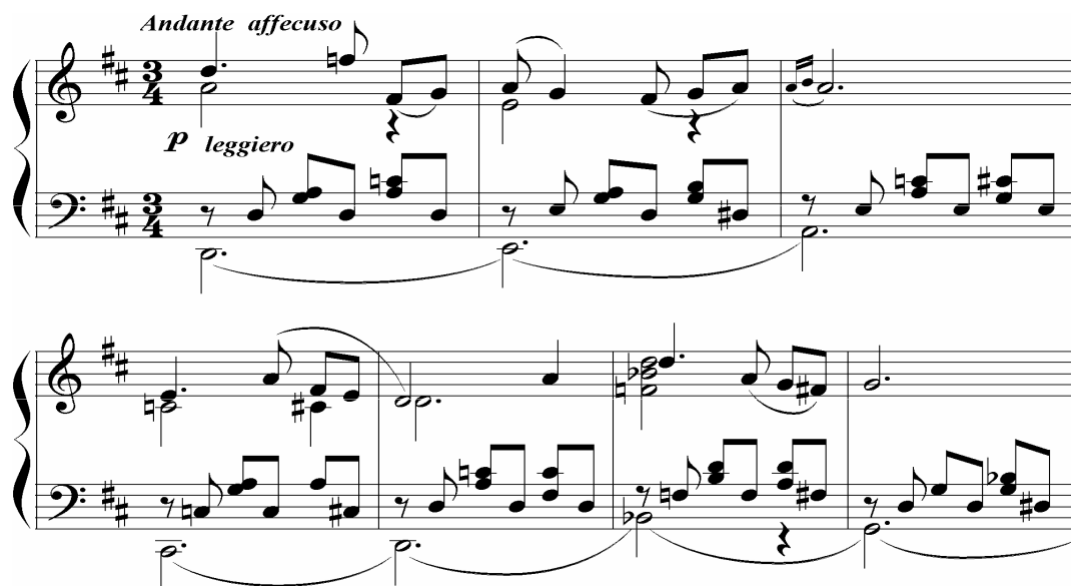
- Người ta có thể ghi hai bè độc lập trên hai khuông nhạc (cùng khóa nhạc hoặc khác khóa nhạc) như cách ghi nhạc cho đàn piano.

Ví dụ 35: "Nô đùa" cho piano của Nguyễn Văn Nam (trích đoạn)



Trong cách ghi nhạc cho piano, ta sẽ bắt gặp các chồng âm (từ 2 âm trở lên) được ghi chung một đuôi. Đồng thời, tác phẩm viết cho piano không chỉ có hai bè mà có thể là từ một bè cho tới nhiều bè.

Ví dụ 36: "Niềm hy vọng" cho piano của La Thăng (đoạn trích)



1.2.7.2. Cách ghi nhạc cho một số loại tốp diễn.

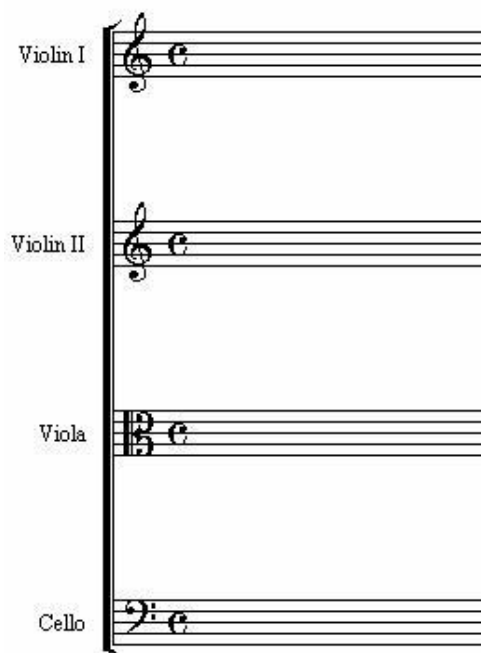
Tốp diễn ở đây chỉ những hình thức diễn tấu của vài diễn viên (thường từ hai người trở lên) như: song tấu, tam tấu, tứ tấu, ngũ tấu...). khi số lượng diễn viên tương đối nhiều thì được gọi là ban nhạc, đội nhạc hay đoàn nhạc. Nếu các diễn viên hợp lại theo một nguyên tắc nhất định nào đó thì được gọi là dàn nhạc (đối với nhạc đàn) và dàn hợp xướng (đối với nhạc hát).

Cách ghi nhạc cho các loại giọng hát hay nhạc cụ độc tấu với phần đệm piano thường được ghi vào 3 khuông nhạc như sau:

Ví dụ 37: Sonatina cho violin và piano của Nguyễn Đức Toàn (trích chương 2)

Cách ghi nhạc cho các loại tốp diễn là các nhạc cụ khác nhau và không có phần đệm của piano hay dàn nhạc thì dùng dấu gộp thẳng có móc ở hai đầu để liên kết các khuông nhạc.

Ví dụ 38: cách ghi nhạc cho tứ tấu đàn dây.



Cách ghi này cũng được sử dụng cho các loại nhạc cụ khác và cho hợp xướng 4 bè. Tuy nhiên, với hợp xướng 4 bè, thông thường người ta thường viết trên hai loại khóa: khóa Sol và khóa Fa. Bốn khuông nhạc cũng được liên kết bằng dấu gộp thẳng có móc ở hai đầu (tương tự như trên). Ngoài ra, hợp xướng 4 bè cũng có thể ghi trên hai khuông nhạc.

Ví dụ 39:



Câu hỏi và bài tập

a) Câu hỏi

- 1a1. Trình bày khái niệm về âm nhạc?
- 1a2. Âm thanh dùng trong âm nhạc có những thuộc tính nào?
- 1a3. Hệ thống âm thanh đầy đủ trong âm nhạc gồm bao nhiêu âm?
- 1a4. Kể tên các bậc cơ bản trong âm nhạc?
- 1a5. Các bậc cơ bản được ghi bằng những chữ cái nào?
- 1a6. Trình bày cấu tạo của khuông nhạc và các dòng kẻ phụ?

- 1a7. Giới thiệu những loại khoá thường dùng trong âm nhạc?
- 1a8. Tại sao các bài hát thường ghi bằng khoá Sol?
- 1a9. Khoá Fa dùng cho những nhạc cụ nào?
- 1a10. Trình bày khoảng cách về cao độ giữa các âm cơ bản?
- 1a11. Thế nào gọi là quãng tám?
- 1a12. Có bao nhiêu quãng 8 trong thang âm đầy đủ? Tên của các quãng tám?
- 1a13. Thế nào là hệ thống bình quân?
- 1a14. Kể tên các loại dấu hoá?
- 1a15. Hãy giải thích về hiệu lực của dấu hoá bất thường?
- 1a16. Hoá biểu là gì?
- 1a17. Thế nào là trùng âm? Nêu ví dụ?
- 1a18. Dấu lặng là gì? Nêu ví dụ?
- 1a19. Kể tên các loại dấu làm tăng trường độ?
- 1a20. Dấu chuyển quãng 8 có tác dụng gì?

b) Bài tập viết

- 1b1. Giải thích tóm tắt về chức năng, vai trò hoặc đặc điểm của một số kí hiệu sau.

Kí hiệu	Chức năng, vai trò hoặc đặc điểm
Dấu nổi	
Dấu luyến	
Dấu chấm đôi	
Dấu thẳng	
Dấu giáng	
Dấu lặng	
Dấu nhắc lại	
Dấu hồi	

- 1b2. Viết trên khuông nhạc dùng khoá Sol các nốt từ Do₁ đến Mi₂, với trường độ là nốt đen.
- 1b3. Viết trên khuông nhạc dùng khoá Fa các nốt từ Sol quãng tám lớn đến Do₁, với trường độ là nốt móc đơn.
- 1b4. Chuyển giai điệu sau thấp xuống quãng 8 và viết ở khoá Fa.

Gồm 88 âm.

1a4. Kể tên các bậc cơ bản trong âm nhạc?

Do, Re, Mi, Fa, Sol, La, Si.

1a5. Các bậc cơ bản được ghi bằng những chữ cái nào?

- Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 1.2.1.

1a6. Trình bày cấu tạo của khuông nhạc và các dòng kẻ phụ?

- Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 1.2.2.

1a7. Giới thiệu những loại khoá thường dùng trong âm nhạc?

- Để trả lời câu hỏi này, cần tóm tắt những ý chính ở mục 1.2.2.

1a8. Tại sao các bài hát thường ghi bằng khoá Sol?

Các bài hát thường viết trên khuông nhạc dùng khoá Sol vì giọng hát con người phù hợp với cao độ ở khu vực này.

1a9. Khoá Fa dùng cho những nhạc cụ nào?

- Người học cần tự tìm hiểu để trả lời câu hỏi này.

1a10. Trình bày khoảng cách về cao độ giữa các âm cơ bản?

- Để trả lời câu hỏi này, cần đọc tài liệu ở mục 1.2.4.

1a11. Thế nào gọi là quãng tám?

- Để trả lời câu hỏi này, cần đọc tài liệu ở mục 1.1.5.

1a12. Có bao nhiêu quãng 8 trong thang âm đầy đủ? Tên của các quãng tám?

- Để trả lời câu hỏi này, cần đọc tài liệu ở mục 1.1.5.

1a13. Thế nào là hệ thống bình quân?

- Để trả lời câu hỏi này, cần đọc tài liệu ở mục 1.2.4.

1a14. Kể tên các loại dấu hoá?

Các kí hiệu thăng, giáng, thăng kép, giáng kép, hoàn gọi là các dấu hoá.

1a15. Hãy giải thích về hiệu lực của dấu hoá bất thường?

- Để trả lời câu hỏi này, cần tóm tắt những ý chính ở mục 1.2.4.

1a16. Hoá biểu là gì?

Hoá biểu là một hoặc một số dấu hoá nằm cố định đầu khuông nhạc (bên phải khoá nhạc). Hoá biểu bao giờ cũng cùng loại hoặc là dấu thăng hoặc là dấu giáng, chúng xuất hiện theo một thứ tự nhất định và có hiệu lực trong suốt bản nhạc.

1a17. Thế nào là trùng âm? Nêu ví dụ?

- Để trả lời câu hỏi này, cần tóm tắt những ý chính ở mục 1.2.4.

1a18. Dấu lặng là gì? Nêu ví dụ?

- Để trả lời câu hỏi này, cần tóm tắt những ý chính ở mục 1.2.5.

1a19. Kể tên các loại dấu làm tăng trường độ?

Gồm có dấu nối, dấu chấm đôi và dấu miễn nhịp.

1a20. Dấu chuyển quãng 8 có tác dụng gì?

- Bạn cần tự tìm hiểu để trả lời câu hỏi này.

b) Bài tập viết

1b1. Giải thích tóm tắt về chức năng, vai trò hoặc đặc điểm của một số kí hiệu sau.

Kí hiệu	Chức năng, vai trò hoặc đặc điểm
Dấu nối	Nối các nốt nhạc cùng độ cao, để kéo dài trường độ nốt nhạc.
Dấu luyến	
Dấu chấm đôi	
Dấu thẳng	
Dấu giáng	
Dấu lặng	
Dấu nhắc lại	
Dấu hồi	

1b2. Viết trên khuông nhạc dùng khoá Sol các nốt từ Do1 đến Mi2, với trường độ là nốt đen.

- Để làm bài tập này, người học cần nắm được vị trí các nốt từ Do1 đến Mi2 trên khuông nhạc dùng khoá Sol.

- Lưu ý khi đuôi nốt nhạc quay lên, đuôi nốt chạm vào bên phải thân nốt. Khi đuôi nốt nhạc quay xuống, đuôi nốt chạm vào bên trái thân nốt.

1b3. Viết trên khuông nhạc dùng khoá Fa các nốt từ Sol quãng tám lớn đến Do1, với trường độ là nốt móc đơn.

- Để làm bài tập này, người học cần nắm được vị trí các nốt từ Sol quãng tám lớn đến Do1 trên khuông nhạc dùng khoá Fa.

- Lưu ý viết đúng đuôi và móc đơn.

Ban hãy tự thực hiện những bài tập tiếp theo.

c) Bài tập trên đàn

1c1 và 1c2.

- Mục tiêu của bài tập không phải để luyện kỹ thuật mà để người học hiểu về cách thể hiện cao độ và trường độ trong âm nhạc.
- Để thực hiện 2 bài tập này, người học cần đọc tên các nốt trên khuông nhạc.
- Đàn giai điệu từng chuỗi âm ngắn, thực hiện chậm kết hợp đọc tên nốt nhạc.
- Dù không nhằm luyện tập kỹ thuật nhưng cần bấm ngón tay hợp lý, người học có thể viết thứ tự ngón tay dưới các nốt nhạc.
- Đàn giai điệu cả nét nhạc.
- Tập giai điệu với tốc độ hơi nhanh.

CHƯƠNG 2. NHỊP ĐIỀU - NHỊP - NHỊP ĐỘ

2.1. Nhịp điệu, trường độ cơ bản và trường độ tự do.

2.1.1. Nhịp điệu - còn gọi là tiết tấu (rhythm)

Theo sách "Nhạc lý cơ bản" của tác giả người Nga V.A.Khoromêepbản in lần thứ sáu có chỉnh sửa bổ sung phát hành năm 1985 tại Nhạc viện Hà Nội do Nguyễn Xinh dịch và chú giải thì gọi là nhịp điệu (rhythm). Theo cách dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt thì từ rhythm cũng đều được dịch là nhịp, với âm nhạc là nhịp điệu hay tiết điệu.

Khái niệm về nhịp điệu: là sự chuyển tiếp những độ dài của các âm thanh. Những âm thanh này nối tiếp nhau bởi các độ dài của âm thanh có tương quan thời gian khác nhau. Khi hợp lại với nhau theo một trật tự nhất định, độ dài của các âm thanh tạo ra các nhóm nhịp điệu. Các nhóm này ghép lại hình thành nhịp điệu chung của tác phẩm. Trong âm nhạc, nhịp điệu kết hợp chặt chẽ với độ cao của âm thanh và có tầm quan trọng đặc biệt không thể tách rời.

Tuy nhiên, trong một số sách lý thuyết âm nhạc gần đây như: "Lý thuyết âm nhạc cơ bản" của Phạm Tú Hương, giáo trình Cao đẳng sư phạm, Nxb Đại học sư phạm, năm 2007; "Giáo trình âm nhạc tập 1-Lý thuyết âm nhạc" của Lê Anh Tuấn (chủ biên), Lê Đức Sang, Trần Văn Minh, Nxb Giáo dục, năm 2006; "Thuật ngữ âm nhạc Anh-Đức-Việt" của Nguyễn Bách, Tiến Lộc, Hạnh Thy, Nxb âm nhạc, năm 2000;... thì gọi rhythm là tiết tấu.

Khái niệm về tiết tấu (rhythm): Chỉ sự nối tiếp có tổ chức các trường độ giống nhau và khác nhau của âm thanh. Khi liên kết với nhau theo một thứ tự nhất định, trường độ của âm thanh tạo ra nhóm tiết tấu (còn gọi là hình tiết tấu). Hình tiết tấu là đường nét tiêu biểu về trường độ của tác phẩm âm nhạc.

Có thể thấy, cả hai khái niệm trên đều có một điểm chung khi giải thích về rhythm đó là chỉ sự nối tiếp nhau các độ dài của âm thanh một cách có tổ chức. Qua thực tế dạy học âm nhạc trong các trường nhạc chuyên nghiệp hiện nay, chúng tôi thấy cách gọi rhythm là tiết tấu được dùng thông dụng hơn với cách gọi là nhịp điệu.

Ví dụ 40:

Mời bạn vui múa ca

Nhạc và lời: Phạm Tuyên



Ca khúc này được xây dựng và phát triển từ âm hình tiết tấu:



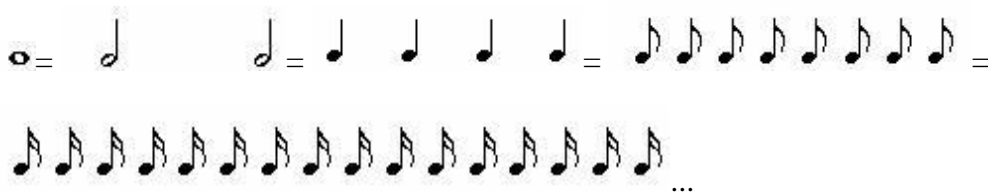
Tương tự có các bài như: Thật là hay, Lớp chúng ta đoàn kết...

2.1.2. Trường độ cơ bản và trường độ tự do.

2.1.2.1. Trường độ cơ bản.

Trong âm nhạc, các độ dài (trường độ) chia chẵn được gọi là *trường độ cơ bản* như: nốt tròn, nốt trắng, nốt đen, nốt móc đơn, nốt móc kép.... Nói cách khác, đó là độ dài (trường độ) được tạo nên bởi cách chia 2.

Ví dụ 41:

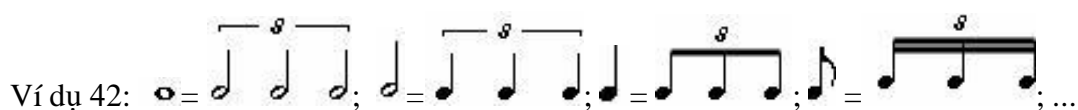


2.1.2.2. Trường độ tự do.

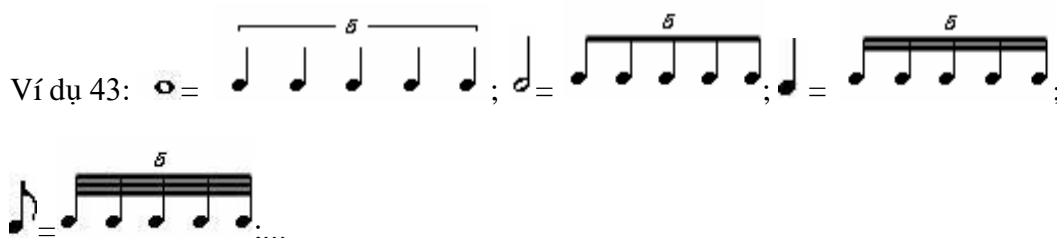
Các độ dài (trường độ) được tạo nên do sự phân chia các trường độ cơ bản thành những phần bằng nhau với bất cứ số lượng nào (khác 2) thì gọi là *trường độ tự do*.

Những cách phân chia tự do thường gặp là:

Chùm ba: được tạo nên do sự phân chia trường độ cơ bản làm ba phần thay cho chia làm hai phần.



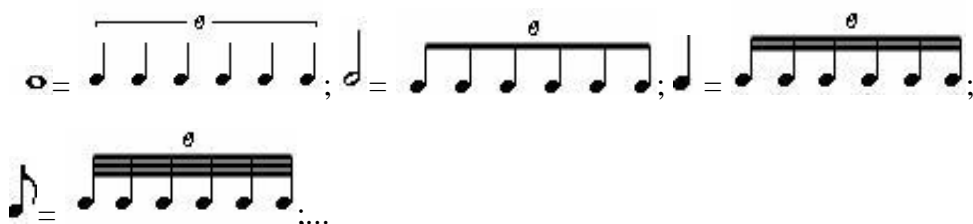
Chùm năm: được tạo nên do sự phân chia trường độ cơ bản làm năm phần thay cho chia làm bốn phần.



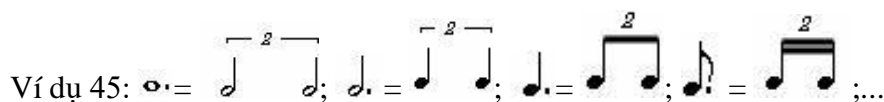
Những cách phân chia trường độ tự do ít gặp hơn như: chùm sáu, chùm bảy, chùm tám... Trường độ có chấm đôi phân chia tự do thành chùm hai, chùm bốn...

Chùm sáu được tạo nên do sự phân chia trường độ làm sáu phần thay cho chia làm bốn phần. Với chùm sáu, ta có thể coi đó là hai chùm ba liên kết.

Ví dụ 44:



Chùm hai được tạo nên do sự phân chia trường độ có chấm đôi làm hai phần thay cho ba phần.



Chùm bốn được tạo nên do sự phân chia trường độ có chấm đôi làm bốn phần thay cho làm ba phần.

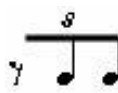


Ngoài ra, các chùm nhóm trường độ phân chia tự do có thể sử dụng cả dấu lặng.

Ví dụ 47: Chùm hai



chùm ba



chùm sáu



2.2. Nhịp.

2.2.1. Trọng âm, tiết nhịp, loại nhịp, nhịp lấy đà, đảo phách và nghịch phách.

Âm nhạc là sự nối tiếp các âm thanh có tính tổ chức về thời gian. Trong sự chuyển động đều đặn đó có một số âm thanh được vang lên mạnh hơn nên được nổi bật theo chu kỳ. Những âm thanh này gọi là *trọng âm* (*accent hay accentuated beat* - còn gọi là *âm nhấn hay phách nhấn*), thường được ký hiệu là: > đặt ở trên hoặc dưới nốt nhạc.

Sự nối tiếp đều đặn những trường độ thời gian bằng nhau có trọng âm và không có trọng âm được gọi là *tiết nhịp* (*measure* - có sách gọi là *luật nhịp hay nhịp*). Những trường độ thời gian bằng nhau có trọng âm và không có trọng âm trong tiết nhịp gọi là *phách* (*beat*). Phách có trọng âm gọi là *phách mạnh* (*strong-beat*). Phách không có trọng âm gọi là *phách nhẹ* (*off-beat*).

Ví dụ 48:



Phách trong tiết nhịp được thể hiện bằng các độ dài khác nhau. Sự thể hiện các phách của tiết nhịp bằng một độ dài nhất định gọi là *loại nhịp*.

Loại nhịp được ký hiệu bằng *số chỉ nhịp* (*time signature*). Số chỉ nhịp là một phân số được đặt ở sau khóa nhạc và hóa biểu (nếu có). Số chỉ nhịp gồm hai chữ số: chữ số bên trên chỉ số lượng phách có trong mỗi tiết nhịp; chữ số bên dưới chỉ giá trị trường độ của mỗi phách bằng mấy phần của nốt tròn.

- Loại nhịp 2:

4

Là nhịp có hai phách, mỗi phách có giá trị trường độ bằng một nốt đen (một phần tư nốt tròn). **Phách thứ nhất là phách mạnh, phách thứ hai là phách nhẹ.**

Ví dụ 49:

XA QUÊ HƯƠNG

F. Sô-panh

Chậm - Tình cảm



Loại nhịp 3.

8

Là nhịp có ba phách, mỗi phách có giá trị trường độ bằng một nốt móc đơn (một phần tám nốt tròn). **Phách thứ nhất là phách mạnh, phách thứ hai và thứ ba là phách nhẹ.**

Ví dụ 50:

Đắc Quỳnh

Allegro



Khoảng cách thời gian từ phách mạnh này đến phách mạnh kế tiếp được gọi là *ô nhịp* (measure). *Hiện nay các trường nhạc chuyên nghiệp của Việt Nam đã khá quen thuộc với từ ô nhịp. Tên gọi ô nhịp là để giúp người học nhạc dễ hiểu khi viết nhạc và đếm số nhịp có trong tác phẩm, còn thực tế thì ô nhịp cũng chính là nhịp hay là tiết nhịp (vẫn là measure theo tiếng Anh).* Trong lối viết nhạc, các ô nhịp được phân cách bằng vạch thẳng đứng cắt ngang khuông nhạc. Vạch đó được gọi là *vạch nhịp* (barline) - còn gọi là *gạch nhịp*). Nốt nhạc nằm sát ngay sau vạch nhịp bao giờ cũng ở phách mạnh.

Trong bản nhạc còn sử dụng hai vạch nhịp đứng sát nhau, được gọi là *vạch nhịp đôi* hay *vạch nhịp kép*. Vạch nhịp kép có hai loại:

Vạch nhịp kép gồm hai nét như nhau không tô đậm thường được sử dụng khi tác phẩm có sự thay đổi như: thay đổi loại nhịp; thay đổi khóa nhạc; kết đoạn nhạc hay một phần tác phẩm để chuyển sang đoạn mới hoặc phần mới của tác phẩm đó.

Ví dụ 51: Thay đổi loại nhịp.

(Trích giai điệu bài hát “Anh vẫn hành quân” của Huy Du).



Ví dụ 52: Thay đổi khóa nhạc



Ví dụ 53: Chuyển sang đoạn nhạc mới (phần mới)

(trích từ ô nhịp 64 đến 66 nối tiếp từ phần phát triển sang tái hiện bản sonata số 13 chương 1 của L.V.Beethoven).



Ngoài ra, vạch nhịp kép còn được sử dụng để ngăn cách giữa các hợp âm hay chồng âm v.v.

Vạch nhịp kép có một nét tô đậm thường dùng để kết thúc tác phẩm; đi cùng dấu segno v.v.

Ví dụ 54:



Nhịp lấy đà (up-beat): Bản nhạc bắt đầu với ô nhịp không đủ số phách theo yêu cầu của số chỉ nhịp gọi là nhịp lấy đà. Nói cách khác, nhịp lấy đà là ô nhịp đầu tiên của bản nhạc không đầy đủ. Khi tác phẩm có nhịp lấy đà thì lồi ghi nhạc của ô nhịp cuối cùng cũng không đầy đủ. Tổng số phách của ô nhịp lấy đà và ô nhịp cuối cùng cộng lại bằng đúng số phách qui định của số chỉ nhịp. (Tuy nhiên, trong nhiều tác phẩm, người ta vẫn ghi ô nhịp cuối cùng đủ số phách của loại nhịp, chỉ có ô nhịp đầu tiên là ô nhịp thiếu. Trường hợp khác, người ta sử dụng dấu lặng ở ô nhịp đầu và cuối để cho đủ số phách của loại nhịp. Do đó, cách ghi nhịp lấy đà ở đây chỉ mang tính tương đối).

Ví dụ 55:



2.2.2. Các loại nhịp (time signatures)

2.2.2.1. Loại nhịp đơn và cách phân nhóm trường độ.

Loại nhịp đơn là những loại nhịp có một, hai hoặc ba phách trong một ô nhịp nhịp và chỉ có một trọng âm.

Những nhịp có một phách như: 1; 1; 1...

2 4 8...

Những nhịp có hai phách như: 2; 2; 2...

2 4 8...

Những nhịp có ba phách như: 3; 3; 3...

2 4 8

Trường độ của các nốt nhạc trong mỗi nhịp được liên kết với nhau tạo thành nhóm, gọi là phân nhóm trường độ (hay kết nhóm trường độ). Phân nhóm trường độ là sự phân chia các nốt trong nhịp thành từng nhóm phù hợp với cơ cấu của loại nhịp. Nó được thể hiện bằng việc liên kết đuôi nốt nhạc. Phân nhóm trường độ có tác dụng giúp cho người biểu diễn dễ dàng thể hiện tác phẩm.

Với loại nhịp đơn, các nốt thuộc từng phách của tiết nhịp được tập hợp thành từng nhóm và tách rời nhau. Do đó, trong một nhịp có bao nhiêu phách sẽ có từng ấy nhóm trường độ.

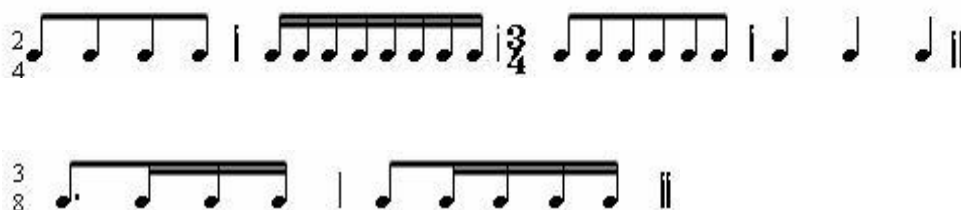
Ví dụ 56:



Ngoài ra, còn có các trường hợp phân nhóm khác như:

Khi một nhịp có các trường độ giống nhau và nhỏ hơn nốt đen (như nốt móc đơn, nốt móc kép...) thì ta có thể liên kết tất cả chỉ bằng một vạch nối đuôi nốt nhạc.

Ví dụ 57:



Các dấu lặng cũng được liên kết như những cách trên.

2.2.2.2. Loại nhịp phức và cách phân nhóm trường độ.

Nhịp phức được hình thành nhờ sự kết hợp từ hai hay nhiều nhịp đơn giống nhau. Vì vậy, trong loại nhịp phức có số lượng phách mạnh tương ứng với số lượng loại nhịp đơn có trong thành phần của nó. Tuy nhiên, trọng âm ở nhịp đơn thứ nhất trong tiết nhịp phức mạnh hơn cả nên là phách mạnh, còn trọng âm ở các nhịp đơn tiếp theo trong tiết nhịp phức không mạnh bằng nên gọi là phách mạnh vừa (hơi mạnh). Các loại nhịp phức thường gặp là:



Nhịp 4/4 là loại nhịp có 4 phách, mỗi phách có giá trị trường độ bằng một nốt đen. Phách thứ nhất là phách mạnh, phách thứ hai là phách nhẹ, phách thứ ba là phách mạnh vừa, phách thứ tư là phách nhẹ.




123 3 3 3


8 8 8 8 8

2.2.2.3. Loại nhịp hỗn hợp và cách phân nhóm trường độ.


Nhịp hỗn hợp được hình thành nhờ sự kết hợp của hai hay nhiều nhịp đơn khác nhau. Trọng âm trong loại nhịp hỗn hợp phụ thuộc vào trọng âm của từng loại nhịp đơn có trong nó. Do đó, phụ thuộc vào sự thể hiện của mỗi tác phẩm mà người ta sử dụng nhân trọng âm (phân nhóm nhịp đơn) trong loại nhịp hỗn hợp khác nhau. Các loại nhịp hỗn hợp thường gặp là:

52 3 



4 4 4

Hay là: 5 3 2 


4 4 4

7 3 4 


4 4 4

Hay là: 7 4 3  ; 73 2 2 



4 4 4 4 4 4

5 2 3 


8 8 8

Hay là: 5 3 2 

8 8 8

7 3 4  ; 7 2 2 3 

8 8 8 8 8 8

Hay là: 74 3 

8 8 8

2.2.2.4. Loại nhịp biến đổi.

Trong âm nhạc, đôi khi ta gặp trường hợp một tác phẩm sử dụng từ hai loại nhịp trở lên. Loại nhịp như vậy gọi là nhịp biến đổi (hay nhịp đổi). Sự chuyển đổi các loại nhịp có thể diễn ra theo chu kỳ hoặc không theo chu kỳ.

Với loại nhịp biến đổi theo chu kỳ, ở đầu bản nhạc thường ghi luôn hai số chỉ nhịp theo trật tự nối tiếp các loại nhịp.

Ví dụ 58:

DÀN CA LATVIA

The musical score for 'DÀN CA LATVIA' is written in treble clef with a key signature of one flat. It begins in 3/4 time and changes to 4/4 time. The tempo is marked 'Andantino'. Dynamic markings include *mf*, *cresc.*, *decresc.*, and *f*.

Với loại nhịp biến đổi không theo chu kỳ, ở đầu bản nhạc ghi số chỉ nhịp xuất hiện trước tiên. Sau đó, khi có sự chuyển đổi, người ta ghi số chỉ nhịp của loại nhịp đổi đó vào ngay trước chỗ cần thay.

Ví dụ 59:

HÁI HOA

Hát Đô Hà Tây
Sưu tầm: NGUYỄN ĐĂNG HÒE

The musical score for 'HÁI HOA' is written in treble clef with a key signature of one flat. It begins in 2/4 time and changes to 3/4 time. The tempo is marked '♩ = 84'. The lyrics are in Vietnamese. The score includes dynamic markings like *f* and *mf*.

Bạn nàng ta hồi bạn nàng ta hái
hoa cho khéo hoa nào mà héo thì
lấy bỏ đi chỗ lấy làm chi ơ
hơ hoa tàn. Tàn hồi đèn tàn hoa
đã về ban ơ hơ nàng ngày.

2.2.3. Đảo phách và nghịch phách (syncopation - tiếng Anh; syncope - tiếng Pháp).

Đảo phách và nghịch được hiểu có nghĩa là nhân lệch (hay là ngược trọng âm).

Đảo phách là hiện tượng một âm được vang lên ở phách nhẹ hay phần nhẹ của phách và ngân sang phách mạnh hay phần mạnh của phách tiếp theo. Đây là hiện tượng thay đổi khiến cho trọng âm của tiết tấu (nhịp điệu) không trùng với trọng âm của tiết nhịp. Những dạng đảo phách thường gặp như: đảo phách giữa các ô nhịp; đảo phách trong một ô nhịp...

Ví dụ 60a: Đảo phách giữa các ô nhịp.



Ví dụ 60b: Đảo phách trong một ô nhịp.



Nghịch phách giống đảo phách ở chỗ có trọng âm rơi vào phách nhẹ hay phần nhẹ của phách nhưng khác ở chỗ trọng âm của phách mạnh hay phần mạnh của phách được thay thế bằng dấu lặng.

Ví dụ 61:



Ví dụ 62:

Lý thiên thai

Dân ca Quảng Nam

Người hát:
ĐINH THÁI SƠN

Sưu tầm - Ghi âm:
TRƯƠNG ĐÌNH QUANG

Vừa phải - Duyên dáng

Xem lên hòn núi hòn
núi ta ni nọ thiên thai Thấy y
đôi thấy y đôi con chiến chiến chiến Thấy y
đôi thấy y đôi con chiến chiến chiến, ta ni
nọ y ăn xoài a y a
ăn xoài chín cây.

2.3. Nhịp độ (speed/time/pace/metre/tempo), cách đánh nhịp.

2.3.1. Nhịp độ.

Nhịp độ là tốc độ chuyển động của âm nhạc (cụ thể là chỉ sự chuyển động của tiết tấu). Nhịp độ còn được gọi là độ nhanh để chỉ sự chuyển động nhanh hay chậm của bản nhạc.

Nhịp độ được ký hiệu bằng chữ, thường được viết trên khuông nhạc ở đầu bản nhạc hay đoạn nhạc, chương nhạc. Những ký hiệu chỉ nhịp độ thông dụng thường là tiếng Italia. Tuy nhiên, ở mỗi quốc gia, người ta có thể dùng cả ngôn ngữ riêng của đất nước mình để ký hiệu nhịp độ.

Một số thuật ngữ cơ bản chỉ nhịp độ (độ nhanh).

Nhóm chậm: <i>Largo</i> - cực chậm <i>Larghetto</i> - rất chậm <i>Lento</i> - thông thả <i>Adagio</i> - chậm <i>Grave</i> - nặng nề	Nhóm vừa: <i>Andante</i> - chậm vừa <i>Andantino</i> - hơi chậm <i>Moderato</i> - vừa phải <i>Sostenuto</i> - kìm nhịp <i>Allegretto</i> - hơi nhanh <i>Allegro moderato</i> - <i>nhẹ nhàng</i>	Nhóm nhanh: <i>Allegro</i> - nhanh <i>Vivo</i> - nhộn nhịp <i>Vivace</i> - rất nhộn nhịp <i>Presto</i> - rất nhanh <i>Prestissimo</i> - cực nhanh
---	---	---

Ví dụ 63:

CHIỀU NGOẠI Ô MATXCƠVA



Ngoài ra, trên nhiều bản nhạc còn sử dụng ký hiệu nhịp độ theo cách đếm của máy đếm nhịp. Ví dụ như: $\text{♩} = 72$, có nghĩa là tốc độ chuyển động của tác phẩm bằng 72 phách/1 phút; mỗi phách có giá trị trường độ bằng 01 nốt đen.

Ví dụ 64:

Lý hoài nam

(Dân ca Quảng Trị - Thừa Thiên)

Người hát:
MỘNG ƯNG

Sưu tầm - Ghi âm:
NGUYỄN VIỆT

Chậm (♩ = 60)

Chiều ơ chiều chiều ơ chiều dất ơ
bạn dất ơ bạn ơ đèo mà qua
đèo tà là đèo qua đèo Chim ơ kêu,
chim ơ kêu tình kêu chữ bên nớ uầy!
ó! chi (rửa?) chi (rửa?) ước ước con vườn
trèo tà là trèo con vườn trèo kia bên
kia ơi hời con vườn trèo kia bên kia.

Để chỉ rõ sắc thái và tốc độ chuyển động của bản nhạc, người ta còn sử dụng một số ký hiệu bổ sung như:

<i>TT</i>	<i>Cách viết</i>	<i>Ý nghĩa tiếng Việt</i>
1	<i>Molto</i>	rất
2	<i>Assai</i>	khá
3	<i>Con molto</i>	với sự hoạt bát
4	<i>Comodo</i>	vừa mức
5	<i>Non troppo</i>	không gấp
6	<i>Non tanto</i>	không đến mức thể
7	<i>Sempre</i>	luôn luôn
8	<i>Meno mosso</i>	bớt linh hoạt
9	<i>Piu mosso</i>	linh hoạt hơn
10	<i>Ritenuito (rit/riten)</i>	hãm lại
11	<i>Ritardando (ritar)</i>	chậm dần
12	<i>Allargando (all/allarg)</i>	ngưng dần
13	<i>Rallentando (rall/rallent)</i>	rãi dần
14	<i>Accelerando (accel/acceler)</i>	nhANH dần
15	<i>Stringendo</i>	vội dần
16	<i>A tempo</i>	về độ nhanh như cũ
17	<i>Tempo primo</i>	độ nhanh ban đầu

Ví dụ 65:

Bài xướng âm số 175 (sách xướng âm tập I - Nguyễn Đức Quỳnh).

2.3.2. Cách đánh nhịp.

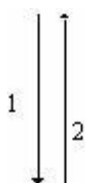
Đánh nhịp là công việc điều khiển biểu diễn tác phẩm âm nhạc cho một nhóm hay một tập thể người diễn tấu (thanh nhạc hoặc khí nhạc). Đó chính là cách chỉ ra thời gian chuyển động của nhịp bằng sự điều khiển (đường vung tay). Mỗi loại nhịp có một cách điều khiển khác nhau.

Một số cách đánh nhịp cơ bản:

Với loại nhịp có hai phách thuộc loại nhịp đơn như: $\frac{2}{4}$; $\frac{2}{8}$; $\frac{2}{16}$; hoặc loại nhịp kép 2

khi đánh ở tốc độ nhanh như: $\frac{6}{4}$; $\frac{6}{8}$, cách đánh nhịp thường bằng hai đường vung tay:

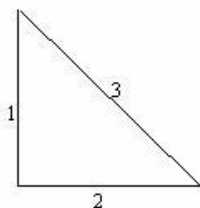
vung tay xuống cho phách mạnh và vung tay lên cho phách nhẹ. Sơ đồ là:



Với loại nhịp có ba phách thuộc loại nhịp đơn như: $\frac{3}{4}$; $\frac{3}{8}$; $\frac{3}{16}$; hoặc loại nhịp kép 3

khi đánh ở tốc độ chậm như: $\frac{9}{4}$; $\frac{9}{8}$, cách đánh nhịp thường bằng ba đường vung tay. 4 8

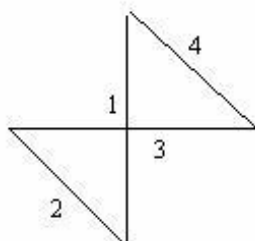
Khi đánh nhịp bằng tay phải, thực hiện như sau: Phách thứ nhất vung tay xuống, phách thứ hai vung tay sang phải và phách thứ ba vung tay lên. Sơ đồ là:



(Khi đánh nhịp bằng tay trái thì phách thứ hai thay đổi: vung tay sang trái).

Với loại nhịp có bốn phách như: $\frac{4}{4}$; $\frac{4}{8}$; $\frac{4}{16}$; hoặc nhịp $\frac{4}{2}$ ở tốc độ rất chậm,

cách đánh nhịp thường bằng bốn đường vung tay. Khi đánh nhịp bằng tay phải, thực hiện như sau: phách thứ nhất vung tay xuống; phách thứ hai vung tay sang trái, phách thứ ba vung tay sang phải, phách thứ tư vung tay lên.



(Khi đánh nhịp bằng tay trái thì phách thứ hai vung sang phải, phách thứ ba vung sang trái).

Bảng 1: Ký hiệu âm nhạc bằng chữ cái

TT	Ký hiệu	Ý nghĩa
1	A (a)	nốt La
2	As (as)	nốt La giáng
3	B (b)	nốt Si, dấu giáng (đặt ở đầu khuông nhạc là ký hiệu chỉ dấu giáng)
4	Bb	nốt Si giáng
5	C (c)	nốt Do
6	Cis (cis)	nốt Do thăng
7	D (d)	nốt Re
8	Des (des)	nốt Re giáng
9	Dis (dis)	nốt Re thăng
10	E (e)	nốt Mi
11	Es (es)	nốt Mi giáng
12	F (f)	nốt Fa
13	Fis (fis)	nốt Fa thăng
14	G (g)	nốt Sol
15	Gis (gis)	nốt Sol thăng
16	H (h)	nốt Si (theo hệ thống của Đức, Nga...)
17	is	nốt thăng
18	quãng Đ	quãng đúng
19	quãng T	quãng trưởng
20	quãng t	quãng thứ

Bảng 2: một số thuật ngữ âm nhạc thường dùng trong đọc và ghi nhạc

2a. Về lý thuyết âm nhạc

TT	Cách viết tiếng Anh	ý nghĩa tiếng Việt
1	Accidental	dấu hoá bất thường
2	Accentuated beat	phách nhấn
3	Agogic	nhịp tự do
4	Alteration	dấu hoá
5	Alto clef	khoá Do alto
6	Anticipation	âm sớm
7	Atonal	vô điệu tính
8	Arpeggio	rải hợp âm
9	Arsis	phách lên
10	Ascending	đi lên (tăng, nâng lên)
11	Augmentation	tăng lên, thêm lên về trường độ
12	Bar-line/beam	vạch nhịp
13	Bar/measure/mensuration	nhịp/ tiết nhịp, chỉ ô nhịp
14	Bass clef	khoá Fa
15	Beat/bar	nhịp
16	Brace	dấu ngoặc liên kết các khuông nhạc
17	By step	liền bậc/bước lần
18	Caesura	chỗ ngắt hơi trong câu nhạc
19	Cantus firmus	giai điệu cố định, bè hát cố định
20	Change of time/ change of meter	đổi nhịp
21	Chord	hợp âm
22	Chromatic	nửa cung
23	Church mode	điệu thức giáo đường
24	Clef	khoá
25	Compound time	nhịp kép, nhịp phức
26	Conclusion	câu nhạc kết
27	Consonance	thuận
28	Crotchet/quarter note	nốt đen
29	Crotchet rest	lặng đen
30	Cue note	nốt nhỏ
31	Counterpoint	đối vị
32	Degree	bậc (trong thang âm)
33	Descending	hạ xuống, đi xuống
34	Diatonic	một cung
35	Diminished	giảm giá trị của nốt
36	Dissonance	nghịch
37	Domiant	át
38	Double bar	vạch đôi (vạch kép)
39	Double flat	dấu giáng kép
40	Double sharp	dấu thăng kép
41	Down beat	đánh xuống

42	Duplet	chùm hai, liên hai
43	Enharmonic	đồng âm, trùng âm
44	Entry	đoạn mở đầu
45	Episode	đoạn chen
46	Flat	giáng (chỉ dấu)
47	Grace-note	nốt lấy
48	Ground – bass	bề trầm trì tục
49	Harmony	hoà âm
50	Homophony	chủ điệu
51	Imitation	mô phỏng
52	In fugal style	theo phong cách fuga
53	Interval	quãng
54	Intonation/pitch	bất giọng
55	Inversion	đảo, thể đảo
56	Key change	đổi khoá nhạc, đổi điệu tính
57	Key – signature	hoá biểu (bộ khoá)
58	Leger line	dòng kẻ phụ
59	Line	dòng kẻ
60	Ligature	nhóm nhịp
61	Lower part	bề thấp
62	Main theme	chủ đề chính
63	Major	trưởng
64	Mediant	âm bậc III của điệu thức
65	Melody	giai điệu
66	Melody part	bề giai điệu
67	Minim/haft note	nốt trắng
68	Minim rest	lặng trắng
69	Minor	thứ
70	Middle part	bề giữa
71	Modal/mode/modus	điệu thức, giọng
72	Modulation	chuyển điệu
73	Monody	đơn điệu
74	Monophonic/one part	đơn âm
75	Natural	bình, hoàn (chỉ dấu)
76	Note	nốt nhạc
77	Notation	ghi âm, ký âm
78	Note cluster/tone cluster	chùm nốt, nhóm nốt
79	Off-beat	phách yếu
80	Ornament	hoa mỹ, tô điểm
81	Outer part	bề ngoài cùng
82	Pause/femata	châm ngân, châm lưu, dấu miễn nhịp
83	Pedal point	âm nền, âm trì tục
84	Pentatonic	ngũ cung
85	Period	đoạn nhạc
86	Phrase	câu nhạc
87	Phrasing	phân câu

88	Phrase mark	dấu vòng cung phân câu
89	Pitch/pitch level	cao độ, độ cao của âm thanh
90	Polyphony	phức điệu
91	Polytonality	đa điệu
92	Quadruplet	liên bốn, chùm bốn
93	Quaver/eighth note	nốt đơn
94	Quaver rest	lặng đơn
95	Quintuplet	liên năm, chùm năm
96	Refrain	điệp khúc
97	Relative	song song
98	Repeat sign	dấu hồi
99	Rest	dấu lặng
100	Rhythm	tiết tấu, tiết điệu
101	Scale	thang âm, âm giai
102	Second theme	chủ đề phụ
103	Semibreve rest	lặng tròn
104	Semibreve/Whole tone	nốt tròn
105	Semiquaver/sixteenth note	nốt kép
106	Semiquaver rest	lặng kép
107	Sharp	dấu thăng
108	Simple time	nhịp đơn
109	Slur	dấu luyến (nối hai nốt nhạc)
110	Sound duration	trường độ, độ dài của âm thanh
111	Speed/time/pace/metre/tempo	nhịp/ nhịp độ
112	Staff	khuông nhạc
113	Stem	đuôi nốt nhạc
114	Stretto	mô phỏng dồn
115	Strong beat	phách mạnh
116	Subdominant	hạ át
117	Subject	chủ đề
118	Syncopation	đảo phách
119	Up - beat	phách lấy đà (nhịp lấy đà)
120	Upbeat	đánh lên
121	Upper part	bè trên cùng
122	Tail	móc, đuôi của nốt nhạc
123	Temporary modulation	chuyển tạm, ly điệu
124	Tenor clef	khoá Do tenor
125	Through – bass	bè trầm liên tục
126	Tonality	điệu tính
127	Tone/key	giọng điệu
128	Tonic/key note	âm chủ, chủ âm
129	Tonic sol-fa	xướng âm
130	Transposition	dịch giọng
131	Treble clef	khoá Sol
132	Triple time	nhịp chia ba

133	Triplet	chùm ba, liên ba
134	Turn	láy chùm
135	Whole-tone scale	âm giai toàn cung, nguyên cung

2b. Về một số loại nhạc hát thông dụng

TT	Thế loại	ý nghĩa tiếng Việt
1	Antiphon	đối ca
2	Aubade (song at dawn - morning song)	bài ca bình minh
3	Barcarolle	bài hát chèo thuyền
4	Bridal song (wedding song)	bài hát đám cưới
5	Carnival song	bài hát lễ hội
6	Christmas song	bài hát Giáng sinh
7	Court song	bài hát cung đình
8	Folk song	dân ca
9	Funeral march	hành khúc tang lễ
10	Lament	bài ca ai oán
11	Lullaby	bài hát ru con
12	March	hành khúc
13	National anthem	quốc ca
14	Nocturn	khúc nhạc đêm
15	Pastoral	nhạc đồng quê
16	Plainsong	bình ca
17	Psalmody	tụng ca
18	Romance song	tình ca
19	Serenade	khúc nhạc chiều
20	Work song	bài hát lao động

2c. Về cách diễn đạt

TT	Cách viết	ý nghĩa tiếng Việt
1	Affettuoso	dịu dàng, trù mến
2	Agitato	sôi nổi
3	Alla marcia	như hành khúc
4	Anima	tâm hồn
5	Animado	hào hứng
6	A piacere	không gò bó
7	Apasionata	sôi sục
8	Brillant	chói lọi
9	Briosso	sôi động
10	Burlesco	vui đùa
11	Calando	dịu dần
12	Catabile	du dương
13	Con affetto	có tình cảm
14	Con amore	với niềm yêu thương

15	Con anima	có tâm hồn
16	Con fuoco	với sự nồng cháy
17	Con grazia	với vẻ duyên dáng
18	Con gusto	có thẩm mỹ
19	Con ira	với lòng phẫn nộ
20	Con spirito	với sự phấn chấn
21	Dolce	âu yếm
22	Doloroso	đau thương
23	Energico	cương nghị
24	Eroico	hùng dũng
25	Espressivo	diễn cảm
26	Fantastico	huyền ảo
27	Flautando	như tiếng sáo
28	Furioso	cuồng loạn
29	Giocoso	nhí nhảnh
30	Grave	trang nghiêm, nặng nề
31	Grazzioso	duyên dáng
32	Grotesque	đồng đánh
33	Innocente	ngây thơ
34	Lacrimosa	đắm lệ
35	Lamentabile	than vãn
36	Lugubre	ảm đạm
37	Lusingando	lả lơi
38	Maestoso	uy nghi, hoành tráng
39	Marcato	nhấn tiếng
40	Misterioso	huyền bí
41	Mornorando	rì rầm
42	Nobile	cao thượng
43	Pesante	sâu nặng, nặng nề
44	Rispluto	quả quyết
45	Rubato	độ nhanh không gò bó
46	Scherzo/scherzando	đùa cợt, bông đùa
47	Simile	cứ thế, giống thế
48	Tragico	bi thảm
49	Tranquillo	thanh thản
50	Vibrato	rung

2d. Về tốc độ chuyển động của âm nhạc (độ nhanh)

TT	Cách viết	ý nghĩa tiếng Việt
1	Largo	cực chậm
2	Larghetto	rất chậm
3	Lento	thong thả
4	Adagio	chậm
5	Andante	chậm vừa
6	Andantino	hơi chậm
7	Moderato	vừa phải

8	Sostenuto	kìm nhịp
9	Allegretto	hơi nhanh
10	Allegro moderato	nhANH vỪA
11	Allegro	nhANH
12	Vivo	nhỘN NHỊP
13	Vivace	rẤT NHỘN NHỊP
14	Presto	rẤT NHANH
15	Pretissimo	CỰC NHANH

2đ. Một số ký hiệu bổ sung cho độ nhanh

TT	Cách viết	ý nghĩa tiếng Việt
1	Molto	rất
2	Assai	khá
3	Con molto	với sự hoạt bát
4	Comodo	vừa mức
5	Non troppo	không gấp
6	Non tanto	không đến mức thể
7	Sempre	luôn luôn
8	Meno mosso	bớt linh hoạt
9	Piu mosso	linh hoạt hơn
10	Ritenuto (rit/riten)	hãm lại
11	Ritardando (ritar)	chậm dần
12	Allargando (all/allarg)	ngưng dần
13	Rallentando (rall/rallent)	rãi dần
14	Accelerando (accel/acceller)	nhANH dần
15	Stringendo	vỘI dần
16	A tempo	vỀ độ NHANH NHƯ CŨ
17	Tempo primo	độ NHANH BAN ĐẦU

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

Tài liệu trong nước.

1. Nguyễn Bình Định (2004), “*Giáo trình lịch sử âm nhạc phương Đông phần Đông Nam Á*”, Nhạc viện Hà Nội.
2. Hoàng Hoa (2007), “*Giáo trình hòa âm ứng dụng*”, NXB Đại học sư phạm.
3. Phạm Tú Hương (2007), “*Lý thuyết âm nhạc cơ bản*”, NXB Đại học sư phạm.
4. Phạm Tú Hương (2008), “*Lý thuyết âm nhạc cơ bản 2*”, NXB Đại học sư phạm.
5. Phạm Tú Hương- Vũ Nhật Thăng (1993), *Sách giáo khoa hoà thanh*, NXB Âm nhạc.
6. Phạm Tú Hương (2004), *Lý thuyết âm nhạc cơ bản*, NXB Đại học Sư phạm.
7. Phạm Minh Khang, *Sách giáo khoa hoà thanh*, Nhạc viện Hà Nội, 2001.
8. Vũ Tự Lân- Lê Thế Hào (1998), *Phương pháp hát và chỉ huy dàn dựng hát tập thể*, NXB Giáo dục.
9. Đỗ Hải Lễ (2003), *Lý thuyết cơ bản về âm nhạc*, Trường Cao đẳng Sư phạm Nhạc Hoạ Trung ương.
10. Nguyễn Thụy Loan (2007), “*Giáo trình lịch sử âm nhạc thế giới và Việt Nam*”, Nhà xuất bản Đại học sư phạm.
11. Hoàng Long- Hoàng Lân (2003), *Tuyển tập âm nhạc tuổi thơ*, NXB Giáo dục,.
12. Hoàng Long (chủ biên phần Âm nhạc), (2002, 2003, 2004), *Nghệ thuật 1, 2, 3*, NXB Giáo dục.
13. Hoàng Long (chủ biên), (2002, 2003, 2004, 2005, 2006), *Âm nhạc 4, 5, 6, 7, 8, 9*, NXB Giáo dục.
14. Phạm Phúc Minh (1994), *Tìm hiểu dân ca Việt Nam*, NXB Âm nhạc, Hà Nội.
15. Nguyễn Thị Nhung (chủ biên), Phạm Phương Hoa (2009), “*Giáo trình lịch sử âm nhạc thế giới thế kỷ XX*”, NXB Quân đội nhân dân.
16. Lê Đức Sang, Trịnh Hoài Thu (2006), “*Giáo trình âm nhạc – phần Ký xướng âm*”, NXB Giáo dục.
17. Trịnh Công Sơn (1995), *Tuyển tập những bài ca không năm tháng*, NXB Âm nhạc.
18. Vũ Nhật Thăng (1998), *Thang âm nhạc tài tử cải lương*, Viện Âm nhạc, NXB Âm nhạc, Hà Nội.
19. Trịnh Hoài Thu (chủ biên) (2011), “*Phương pháp dạy học ký xướng âm trong đào tạo giáo viên âm nhạc phổ thông*”, NXB Âm nhạc.

20. Trịnh Hoài Thu (2010), Luận án Tiến Sĩ Văn hóa học “*Nghiên cứu ảnh hưởng của âm nhạc dân gian tác phẩm khí nhạc mới Việt Nam thế kỷ XX*”.
21. Lê Anh Tuấn (Chủ biên) (2006), “*Giáo trình âm nhạc tập 1-Lý thuyết âm nhạc*”, NXB Giáo dục.
22. Trịnh Tuấn, *Lý thuyết âm nhạc cơ bản*, Trường Cao đẳng Sư phạm Nhạc Hoạ Trung ương, 1986.
23. Nguyễn Xuân Tú (2007), “*Giáo trình đệm đàn phím điện tử*”, NXB Đại học sư phạm.
24. Lương Bằng Vinh (2003), “*Nhạc lý cơ bản và nâng cao*”, NXB Âm nhạc.
25. Tô Vũ (2002), *Âm nhạc Việt Nam truyền thống và hiện đại*, Viện Âm nhạc, Hà Nội.
26. Hoàng Văn Yến (2002), *Trẻ mầm non ca hát*, NXB Giáo dục.
27. Nhiều tác giả (2000), *50 bài hát thiếu nhi hay nhất thế kỷ 20*, Đặc san báo Thiếu niên Tiền phong.
28. Nhiều tác giả (2002), *Ca khúc thiếu nhi 1945- 2000*, NXB Âm nhạc.
29. Nhiều tác giả (1993), *Thang âm điệu thức trong âm nhạc truyền thống một số dân tộc Miền Nam Việt Nam*, Viện Văn hóa nghệ thuật, thành phố Hồ Chí Minh.

Tài liệu nước ngoài.

1. Chiulin, Privano (1987), *Sách giáo khoa hoà thanh*, Nhạc viện Thành phố HCM.
2. Eric Taylor, *The AB Guide to Music Theory, The Associatet Board of the Royal School of Mistic*.
3. Spasobine, *Lý thuyết âm nhạc*, NXB Âm nhạc.
4. Spasobine - Doubovski - EBceev, Sokolov (1966), *Sách giáo khoa hoà thanh*, NXB Âm nhạc.
5. Stefan Kostka - Dorothy Payne (2004), *Tonal Harmony with an introduction to twentieth-century music*, fifth edition, Published by Mc Graw Hill.
6. Walter Piston (1989), *Harmony* - London Victor Gollancz LTD.
7. Willi Apel (1977), *Harvard Dictionary of Music (I,II,III)*, Second Edition, Revised and Enlarged, The Belknap Press of Harvard Univesity Press, Cambridge, Massachusetts.
8. V.A. Vakhrameev (1993), *Lí thuyết âm nhạc cơ bản*, Nguyễn Xinh dịch, NXB Âm nhạc.
9. Các trang web:
 - en.wikipedia.org/wiki/Blues
 - vianhem.com/forum/showthread.php?t=24&page=1